

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG**

Bản án số: **30/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-3-2024

Về việc tranh chấp “*Ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Cơ** – Ông **Ngô Văn Sỹ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Chu Thị Phương Thùy** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Hồng Thắm** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 414/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Thùy T** - sinh năm 1989; Địa chỉ: K460/14/2 đường T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Lê Hữu L** – sinh năm 1989; Địa chỉ: K109/32 đường M, phường N, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Bà Lê Thị Thùy T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Thùy T và anh Lê Hữu L kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà ba mẹ ông L tại phường N, quận L, TP Đà Nẵng khoảng 05 năm; sau đó chuyển đến sống tại chung cư của Bệnh viện ung bướu; đến tháng 08/2022 lại chuyển về sống tại nhà ba mẹ ông L. Quá trình chung sống tại thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L không có trách nhiệm với gia đình, bỏ mặc bà T

chăm lo cho con cái về kinh tế cũng như về tinh thần. Từ tháng 02/2023, bà T và con đã về nhà mẹ tại phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng sinh sống, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- *Về quan hệ con chung*: Bà Lê Thị Thùy T khai nhận có 02 con chung là Lê Hữu Th – sinh ngày 11/11/2014 và Lê Hữu D – sinh ngày 20/3/2021. Hiện nay bà T đang trực tiếp nuôi con chung, quá trình chung sống thì ông L không có trách nhiệm với gia đình nên nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì Bà Lê Thị Thùy T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Lê Hữu L cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung*: Bà Lê Thị Thùy T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn - ông Lê Hữu L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS; mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham dự phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Bà Lê Thị Thùy T được ly hôn với ông Lê Hữu L; giao con chung Lê Hữu Th – sinh ngày 11/11/2014 và Lê Hữu D – sinh ngày 20/3/2021 trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung Bà Lê Thị Thùy T khai nhận không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn Bà Lê Thị Thùy T với bị đơn ông Lê Hữu L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Bị đơn ông Lê Hữu L được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông Lê Hữu L vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Lê Hữu L.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Thùy T đối với ông Lê Hữu L thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thùy T và ông Lê Hữu L đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 125/2012, quyền số 01/2012, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống Bà Lê Thị Thùy T cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, ông L không có trách nhiệm với gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng ông Lê Hữu L vắng mặt không có lý do, bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng.

HĐXX xét thấy, qua xác minh thì chính quyền địa phương nơi ông Lê Hữu L và bà Lê Thị Thùy T sống chung xác nhận vợ chồng bà T và ông L không sống chung gần 01 năm nay là sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông L và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Bà Lê Thị Thùy T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị Thùy T xác nhận bà và ông Lê Hữu L có 02 con chung là Lê Hữu Th – sinh ngày 11/11/2014 và Lê Hữu D – sinh ngày 20/3/2021. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Bà Lê Thị Thùy T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy các con chung còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ; cháu Lê Hữu Th có nguyện vọng được ở với mẹ; khi ông L và bà T không sống chung thì bà T là người đang trực tiếp chăm sóc các con chung ổn định, việc thay đổi môi trường sống của các cháu là không cần thiết. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng ông L không có mặt để trình bày nguyện vọng của mình về việc nuôi con chung, cũng như

không chứng minh được điều kiện nuôi con. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Thùy T về việc nuôi con, giao các con chung Lê Hữu Th – sinh ngày 11/11/2014 và Lê Hữu D – sinh ngày 20/3/2021 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Lê Thị Thùy T không yêu cầu ông Lê Hữu L cấp dưỡng nuôi con chung; ông Lê Hữu L không có văn bản trình bày ý kiến về vấn đề cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

- **Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung:** Bà Lê Thị Thùy T khai nhận vợ chồng không có tài sản chung; xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau này Bà Lê Thị Thùy T và ông Lê Hữu L có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), Bà Lê Thị Thùy T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

I. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn” của Bà Lê Thị Thùy T đối với ông Lê Hữu L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà Lê Thị Thùy T được ly hôn ông Lê Hữu L.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Hữu Th – sinh ngày 11/11/2014 và Lê Hữu D – sinh ngày 20/3/2021 cho Bà Lê Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Lê Hữu L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Thùy T khai nhận không có tài sản chung, xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), Bà Lê Thị Thùy T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số

0002464 ngày 06.11.2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị Thùy T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND quận Liên Chiểu;
 - Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
 - UBND phường H, quận C;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 125/2012, quyển số 01/2012 ngày 18/10/2012)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh